

Bản án số: **99/2017/DS-PT**

Ngày: 13/7/2017

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọt.

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Minh Thủ.
2. Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2017/QĐ-PT, ngày 30 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư H - VPLS H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.2. Ông Lê Quốc H; địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.3. Ông Lê Văn G; địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.4. Ông Nguyễn Văn P; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3.5. Bà Nguyễn Mỹ X; địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

- **Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:** Nguồn gốc thửa đất số 372 và thửa đất số 849, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là của cụ Nguyễn Văn B và cụ Lê Thị Đ cho ông vào năm 2001 và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSD) số T 027156 ngày 27/4/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Q. Sau khi được cấp giấy, ông Q và bà X tiếp tục canh tác được khoảng 03-04 tháng thì không canh tác nữa, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông Q gửi 02 thửa đất trên cùng với GCN QSD đất cho cụ B và cụ Đ quản lý giùm, để vợ chồng ông đi ghe cào đánh bắt cá trên biển.

Năm 2008, vợ chồng ông không đi ghe nữa, trở về gặp cụ B và cụ Đ để lấy lại 02 thửa đất cùng với GCN QSD đất, lúc này cụ B đang bệnh. Ông có hỏi ý kiến cụ Đ về việc lấy lại 02 thửa đất để sử dụng, cụ Đ cũng đồng ý, nhưng cụ Đ cho rằng GCN QSD đất đã bị mất. Đồng thời, ông cũng biết được ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L đang sử dụng 02 thửa đất trên. Đến năm 2009, ông liên hệ địa chính xã để lục lại hồ sơ cấp GCN QSD đất thì được biết 02 thửa đất trên ông T đang làm thủ tục kê khai đăng ký xin cấp GCN QSD đất.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông 02 thửa đất sau:

- Thửa đất số 372, tờ bản đồ số 01, diện tích 928,0m², tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau:

- . Hướng Đông: giáp phần đất của ông Đặng Văn R1, có số đo 24m;
- . Hướng Tây: giáp quốc lộ Nam sông Hậu, có số đo 25,5m;
- . Hướng Nam: giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R2, có số đo 43,4m;
- . Hướng Bắc: giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R3, có số đo 34m.

- Thửa đất số 849, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.457,0m², tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau:

- . Hướng Đông: giáp phần đất của bà Trương Thị R4, có số đo 28,8m;
- . Hướng Tây: giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn B hiện tại do ông Nguyễn Văn T đang sử dụng, có số đo 29,5m;
- . Hướng Nam: giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R5, có số đo 26,7m và giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Thuận, có số đo 23,3m;
- . Hướng Bắc: giáp phần đất của bà Trương Thị R4, có số đo 50m.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:** Nguồn gốc thửa đất số 372 và thửa đất số 849, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là của cụ Nguyễn Văn B. Khi cụ B còn sống, có cho ông Nguyễn Văn Q 02 thửa đất này và ông Q được Ủy ban nhân dân huyện L cấp GCN QSD đất vào năm 2001. Sau đó, ông Q không canh tác mà lấy một phần đất khác của cụ B tại cồn F tọa lạc tại ấp P, xã S để canh tác. Khi đó, cụ B cũng đồng ý cho ông Q phần đất tại cồn F và buộc ông Q phải trả lại 02 thửa đất trên cho ông, ông Q cũng đồng ý lập hợp đồng tặng cho quyền sử

dụng đất 02 thửa đất trên cho ông, và ông được Ủy ban nhân dân huyện L cấp GCN QSD đất từ năm 2010. Cụ thể: Thửa đất số 372, tờ bản đồ số 1, GCN QSD đất số BB 866969 cấp ngày 23/7/2010; Thửa đất số 849, tờ bản đồ số 1, GCN QSD đất số BB 866962 cấp ngày 23/7/2010. Hiện tại, GCN QSD đất 02 thửa đất này ông đang quản lý.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q, vì ông Q đã tự nguyện lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào ngày 14/6/2008 để tặng cho ông 02 thửa đất 372 và 849, ông cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp GCN QSD đất vào năm 2010. Đồng thời, tại kết luận giám định chữ viết và chữ ký của Viện khoa học hình sự đã chứng minh chữ viết và chữ ký trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là do ông Q ký và viết, tuy chữ viết và chữ ký trong hợp đồng tặng cho không chứng minh được có phải là do bà Nguyễn Mỹ X ký và viết ra hay không nhưng tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà X cũng biết và đồng ý, không phản đối gì.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Mỹ X trình bày:** Bà thống nhất với lời trình bày của ông Q. Vào năm 2008, khi bà và ông Q đi ghe trở về, ông Q có nói lại cho bà biết việc ông T đã được cấp GCN QSD đất đối với thửa đất số 372 và 849, khi đó bà cũng biết bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn G đang canh tác và sử dụng 02 thửa đất trên, nhưng bà không có ý kiến phản đối, không tranh chấp và không khiếu nại gì vì 02 thửa đất này là của cụ B và cụ Đ cho ông Q trước khi kết hôn với bà. Việc ông Q và ông T tranh chấp, bà không có ý kiến, không yêu cầu gì, do ông Q tự quyết định, bà không tham gia. Theo yêu cầu khởi kiện của ông Q thì bà không có ý kiến và cũng không có tranh chấp gì.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:** Nội dung khởi kiện của ông Q là không đúng. Khi cụ B còn sống, bà chưa lập gia đình thì bà có sử dụng 02 thửa đất tranh chấp số 372 và 849. Khoảng 10 năm trước, khi bà lập gia đình thì bà đã trả 02 thửa đất trên cho cụ B và không sử dụng cho đến nay, bà không có liên quan gì đến vụ án tranh chấp giữa ông Q với ông T và bà không yêu cầu gì.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn G trình bày:** Nguồn gốc thửa đất số 372 và 849, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là của cụ B và cụ Đ. Ông đang quản lý và sử dụng thửa đất số 849, phần đất này do ông T cho ông mượn sử dụng, ông mượn phần đất này sử dụng được khoảng 7-8 năm, trước đây phần đất này ông trồng rẫy, sau cải tạo lên vườn trồng nhãn được khoảng 4 năm và trồng chanh được khoảng 2 năm. Ông không có yêu cầu gì đối với thửa đất này, khi Tòa án giải quyết giao đất cho ai thì ông đồng ý giao trả theo quyết định của Tòa án.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc H trình bày:** Ông đang quản lý và sử dụng thửa đất số 372, phần đất này do ông T cho ông mượn sử dụng vào năm 2015, khi sử dụng ông chỉ dọn cỏ và trồng chuối, không có cải tạo hay tu bổ gì trên đất. Ông không có yêu cầu gì đối với thửa đất này, khi Tòa án giải quyết giao đất cho ai thì ông đồng ý giao trả đất theo quyết định của Tòa án.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:** Trước đây, giữa ông với ông T có giao dịch với nhau về việc ông T thế chấp GCN QSD đất

đối với 02 thửa đất số 372 và 849, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để vay tiền của ông. Nay ông T đã trả tiền vay cho ông xong và ông cũng đã trả cho ông T GCN QSD đất 02 thửa nêu trên, nên ông không có tranh chấp và không có yêu cầu gì.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST, ngày 22/3/2017 đã quyết định áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, khoản 3 Điều 688, khoản và khoản 2 Điều 689, Điều 723 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 105, Điều 106 và Điều 107 của Luật đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc buộc ông Nguyễn Văn T trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế cụ thể như sau:

- Thửa 372, tờ bản đồ số 01, diện tích 928,0m², tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 866969 ngày 23/7/2010 cho ông Nguyễn Văn T, có số đo tứ cận như sau:

- . Hướng Đông: giáp phần đất của ông Đặng Văn R1, có số đo 24m;
- . Hướng Tây: giáp quốc lộ Nam sông Hậu, có số đo 25,5m;
- . Hướng Nam: giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R2, có số đo 43,4m;
- . Hướng Bắc: giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R3, có số đo 34m.

- Thửa 849, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.457,0m², tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 866962 ngày 23/7/2010 cho ông Nguyễn Văn T, có số đo tứ cận như sau:

- . Hướng Đông: giáp phần đất của bà Trương Thị R4, có số đo 28,8m;
- . Hướng Tây: giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn B hiện tại do ông Nguyễn Văn T đang sử dụng, có số đo 29,5m;
- . Hướng Nam: giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R5, có số đo 26,7m và giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Thuận, có số đo 23,3m;
- . Hướng Bắc: giáp phần đất của bà Trương Thị R4, có số đo 50m.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định giá, chi phí giám định, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 07/4/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T trả lại cho nguyên đơn phần đất thuộc thửa đất số 372, diện tích 928m² và thửa đất số 849, diện tích 1.457m², cùng thuộc tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Bởi các lý do:

Kết quả giám định số 1274/C54B ngày 16/4/2016 là không đúng; Ngày ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vợ chồng ông đi đánh cá trên biển nên không thể có mặt tại Ủy ban nhân dân xã S để ký tên trên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vì tại thời điểm ký hợp đồng ông Q không có mặt ở địa phương để ký tên vào hợp đồng tặng cho. Kết luận giám định cũng chưa có cơ sở chắc chắn vì chữ ký của ông Q trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất khác với các chữ ký của ông Q trong các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Ông Q không am hiểu pháp luật nên sau khi nhận được thông báo về kết luận giám định đã không có yêu cầu giám định lại. Từ đó, vị Luật sư đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Q, tiến hành thủ tục trưng cầu giám định lại chữ ký của ông Q trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với kháng cáo của đương sự, xét thấy: Nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giám định lại chữ ký nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh kết luận giám định ngày 16/4/2016 là có sai sót hoặc vi phạm pháp luật nên yêu cầu này là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm tính án phí có giá ngạch là không đúng quy định pháp luật nên cấp phúc thẩm cần sửa án để điều chỉnh lại cho phù hợp. Từ đó, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng tính án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Nguồn gốc phân đất tranh chấp tại thửa đất số 372 và thửa đất số 849, cùng tờ bản đồ số 01, có tổng diện tích 2.385m² tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là của cụ Nguyễn Văn B và cụ Lê Thị Đ cho ông Nguyễn Văn Q vào năm 2001 và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp GCN QSD đất số T 027156 ngày 27/4/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Q.

[2] Theo ông Q, sau khi được cấp GCN QSD đất thì vợ chồng ông đi ghe cào đánh bắt cá trên biển nên ông gửi 02 thửa đất trên cho cụ B và cụ Đ quản lý giùm. Năm 2008, vợ chồng ông trở về thì biết được ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L đang sử dụng 02 thửa đất trên với lý do là vợ chồng ông đã tặng cho đất, nhưng thực chất là vợ chồng ông không có tặng cho đất.

[3] Theo ông T, sau khi được cấp GCN QSD đất ông Q không canh tác 02 thửa đất nêu trên mà thỏa thuận lấy một phần đất khác của cụ B tại cồn F và ông Q đồng ý lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất 02 thửa đất trên cho ông, và ông được Ủy ban nhân dân huyện L cấp GCN QSD đất từ năm 2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có cung cấp 02 bản “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” do vợ chồng ông Q, bà X và ông T ký kết có chứng thực cùng ngày 14/6/2008, với nội dung ông Q và bà X chuyển nhượng cho ông T 02 thửa đất nêu trên với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, nhưng ông Q và bà X không thừa nhận chữ ký trong 02 bản hợp đồng như đã nêu. Theo kết luận giám định số 1274/C54B ngày 16/4/2016 của Phân viện khoa học hình sự thuộc Tổng cục cảnh sát tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã xác định được chữ ký trong 02 bản hợp đồng nêu trên chính là chữ ký của ông Q. Ông Q cho rằng kết luận giám định này là không đúng nhưng ông không nêu ra được lý do và ông cũng không có yêu cầu cơ quan nào giám định lại. Như vậy, đã có căn cứ xác định chữ ký tên Q trong 02 bản “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” có chứng thực cùng ngày 14/6/2008 chính là của ông Q, việc này đồng nghĩa với việc ông Q đã tặng cho ông T 02 thửa đất nêu trên là có thật.

[4] Ngoài ra, chính ông Q thừa nhận vào năm 2009 thì ông đã biết ông T đang làm thủ tục đăng ký xin cấp GCN QSD đất, nhưng ông Q không có liên hệ với cơ quan Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền để ngăn cản; năm 2010 ông T được cấp GCN QSD đất thì ông Q cũng không có ý kiến phản đối và cũng không đòi lại đất. Từ đó cho thấy lời trình bày của ông T cho rằng ông Q đồng ý lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên cho ông là có căn cứ, phù hợp với diễn biến sự việc đã xảy ra trên thực tế.

[5] Sau khi hoãn phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất vào ngày 10/7/2017, ông Q có đơn yêu cầu giám định lại chữ ký của ông Q trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 14/6/2008. Xét thấy, sau khi có kết luận giám định, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thông báo kết quả cho ông Q biết nhưng ông Q không có ý kiến gì về nội dung của kết luận giám định. Trong đơn kháng cáo, ông Q cũng không có yêu cầu giám định lại. Đồng thời, tại phiên tòa ông Q cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh kết luận giám định có vi phạm pháp luật. Do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu giám định lại của ông Q.

[6] Tuy nhiên, khi thụ lý vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng theo yêu cầu khởi kiện, nhưng khi tính án phí cấp sơ thẩm lại tính án phí có giá ngạch là không đúng theo quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì trong trường hợp này đương sự chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch; cho nên HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm về phần án phí cho đúng pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX quyết định không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q, đồng thời căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm như đã phân tích nêu trên.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của vị Luật sư đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giám định lại chữ ký của ông Q trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, là không có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng tính án phí không có giá ngạch, là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, khoản 3 Điều 688, khoản và khoản 2 Điều 689, Điều 723 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 105, Điều 106 và Điều 107 của Luật đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, như sau:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q về việc buộc ông Nguyễn Văn T trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế cụ thể như sau:

- Thửa số 372, tờ bản đồ số 01, diện tích 928,0m², thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 866969 ngày 23/7/2010, có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông: giáp phần đất của ông Đặng Văn R1, có số đo 24m;

+ Hướng Tây: giáp Quốc lộ Nam sông Hậu, có số đo 25,5m;

+ Hướng Nam: giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R2, có số đo 43,4m;

+ Hướng Bắc: giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R3, có số đo 34m.

- Thửa số 849, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.457,0m², thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 866962 ngày 23/7/2010, có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông: giáp phần đất của bà Trương Thị R4, có số đo 28,8m;

+ Hướng Tây: giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn B hiện tại do ông Nguyễn Văn T đang sử dụng, có số đo 29,5m;

+ Hướng Nam: giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R5, có số đo 26,7m và giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Thuận, có số đo 23,3m;

+ Hướng Bắc: giáp phần đất của bà Trương Thị R4, có số đo 50m.

02 thửa đất nêu trên tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và do ông Nguyễn Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 3.077.746 đồng, số tiền này ông Q đã nộp xong.

1.3. Chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 6.700.000 đồng, số tiền này ông Q đã nộp xong.

1.4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông Q đã nộp là 3.547.500 đồng theo biên lai thu số 007864, ngày 16/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông Q được nhận lại số tiền còn thừa là 3.347.500 đồng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu; trả lại cho ông Nguyễn Văn Q số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006749, ngày 07/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu (TDS-HS).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Ngọt